

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT  
Ngày 28 – 01 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và nợ hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Bá Kha

Bà Đặng Thị Bích Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Danh Thị Kim P, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Danh Thị Kim P – bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà có tổ chức 01 dây hội tuần, bắt đầu khai hội là ngày 18/02/2018 âm lịch (hội 10 ngày khai 01 lần, vào các ngày 08/18/28 hàng tháng âm lịch), có 66 phần chơi, mỗi lần đóng 2.000.000 đồng, hội mãn vào ngày 08/12/2019 âm lịch. Bà Danh Thị Kim P có tham gia 01 đầu hội, bà P đóng được một lần, đến lần thứ hai (ngày 28/02/2018 âm lịch) bà P hót  $\frac{1}{2}$  đầu hội (bà P bỏ hội 600.000 đồng tiền hoa hồng, có giấy giao tiền hội ngày 28/02/2018 âm lịch kèm theo), nên bà giao tiền  $\frac{1}{2}$  đầu hội cho bà P là 45.200.000 đồng. Trong ngày 28/02/2018 âm lịch, trước khi đến nhà bà P thì bà có đến tiệm máy vi tính nhờ đánh giùm phiếu giao hội này, tuy nhiên người đánh máy vi tính tên là S (bà không biết họ và chữ lót, trong trung tâm chợ Ba Hòn thuộc khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang) lại đánh nhầm tên bà Danh Thị Kim P thành bà Nguyễn Thị P, khi đó bà cũng biết họ và chữ lót của bà P là gì nên bà chỉ nói người nhận hội tên là P thì bà có đến tiệm máy vi tính nên người này đánh tên là Nguyễn Thị P dưới chữ người nhận hội. Thật sự sau khi đánh máy xong thì mỗi buổi sáng cùng ngày, thì bà có đem hội đến giao cho bà P, trước khi nhận tiền hội bà P có đọc kỹ phiếu giao hội nên bà P mới đồng ý ký tên và bà giao số tiền 45.200.000 đồng cho bà P. Khi đọc tờ khai hội này thì bà P cũng không có ý kiến gì về việc tôi ghi sai họ và chữ lót của bà Danh Thị Kim P thành Nguyễn Thị P, mà bà P đồng ý nhận tiền hội và ký tên vào phiếu giao hội.

Đối với  $\frac{1}{2}$  đầu hội còn lại: Bà P đóng cho bà đến lần thứ 9, lần thứ 10 (ngày 18/5/2018 âm lịch) bà cho bà P hót  $\frac{1}{2}$  đầu hội còn lại (bỏ hội 600.000 đồng, hót  $\frac{1}{2}$  đầu hội 700.000 đồng x 56 đầu hội sống = 39.200.000 đồng + 18.000.000 đồng của 09 đầu sống, nhưng thật sự chỉ có  $\frac{1}{2}$  của đầu sống số tiền 9.000.000 đồng nên trong giấy giao tiền hội 18/5/2018 âm lịch ghi tổng số tiền là 48.200.000 đồng là chính xác là - 600.000 đồng tiền hoa hồng), nên bà giao cho bà P số tiền 47.600.000 đồng. Trong ngày 18/5/2018 âm lịch, trước khi đến nhà bà P thì bà có viết sẵn vào các phần dấu chấm về số phần hội còn sống, phần hội đã chết, tổng số tiền giao hội, trừ thảo, tiền nhận hội. Sau đó, trong cùng ngày bà có đem tiền và phiếu giao hội này nhà bà P, tại đây bà P có đọc phiếu giao hội này rất kỹ, nên mới đồng ý ký tên vào phần người nhận hội và ghi họ tên chính xác của mình và nhận tiền hội. Từ lần thứ 11 chờ đi, bà P có đóng nhưng không đầy đủ, tính đến hôm nay đây hội đã mãn mà bà P còn nợ bà số tiền là 33.000.000 đồng.

Đối với NLQ1 như bà P trình bày có tham gia chơi hội của bà là không đúng, vì bà chỉ cho bà P tham gia chơi hội, khi chơi hội thì bà P không hề đề cập đến cho NLQ1, cũng không có việc bà thối tiền hội lại cho NLQ1 như bà P trình bày. Thật sự bà P chỉ tham gia 01 đầu hội, đã hót và nhận tiền của bà. Bà có ghi vào cuốn sổ việc bà P đóng tiền hội cho bà, sau đó bà trừ dần còn lại số tiền 33.000.000 đồng. Trong quá trình bà P đóng hội thì bà chỉ nhận và ghi vào tờ giấy chứ không buộc bà P phải ký tên. Còn tờ giấy ghi bà P còn nợ lại tiền hội của bà từ ngày 18/12/2018 âm lịch đến ngày 18/12/2019 âm lịch là kết thúc, mỗi tháng đến kỳ đóng hội bà P không đóng hội chết còn nợ số tiền 2.000.000 đồng, tính đến ngày 08/12/2019 âm lịch bà P

còn nợ tổng số tiền hụi là 33.000.000 đồng nhưng trong tờ giấy bà cung cấp cho Tòa án cộng lại chỉ có 15 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng là do bà ghi sót số tiền 3.000.000 đồng. Do các lần trước bà P giao tiền hụi chết chỉ giao mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà P còn nợ 3 lần nên số tiền còn nợ là 3.000.000 đồng bà chưa ghi vào giấy. Vì vậy tổng số tiền hụi bà P còn nợ bà là 33.000.000 đồng.

Khi cho bà P vay tiền bà chỉ đưa qua tay chứ không làm giấy tờ gì cho bà P ký tên, sau đó bà về có ghi vào tờ giấy thể hiện về việc bà P có mượn bà 30.000.000 đồng thì bà P có trả góp 01 ngày 600.000 đồng, góp 20 ngày được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 18.000.000 đồng nhưng khi góp tiền cũng không có làm biên nhận hay giấy tờ gì. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà P chưa trả cho bà. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà P trả cho bà số tiền hụi 33.000.000 đồng và tiền vay 28.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 61.000.000 đồng.

**Bị đơn bà Danh Thị Kim P trình bày:** Bà có tham gia 02 phần hụi với bà T, hụi tuần, mỗi tuần đóng 2.000.000 đồng, trong đó 01 phần bà có tham gia giùm cho NLQ1, việc tham gia phần hụi này thì NLQ1 với bà T có gặp nhau một lần và bà có nói là bà sẽ chịu trách nhiệm với phần hụi bà tham gia hụi giùm bà NLQ1 và được bà T đồng ý, sau đó NLQ1 có đóng hụi được 01 lần là 2.000.000 đồng, NLQ1 đưa tiền cho bà đóng cho bà T. Phần hụi này bà thay mặt NLQ1 bỏ hụi để hốt giùm NLQ1, bỏ với giá 600.000 đồng nên đến lần thứ 2 thì được hốt hụi. Đến lần thứ 02 vào buổi sáng khoảng 09 giờ thì bà T đến nhà bà đưa cho bà một phiếu giao hụi kêu bà ký nói là đến chiều sẽ mang tiền hụi lại giao nên bà mới đồng ý ký, bà T giữ phiếu này. Đến 04 giờ chiều cùng ngày, bà T đến nhà bà nói không cho hốt, không giao tiền hụi mà chỉ đưa tiền hụi lại cho NLQ1, số tiền này bà đứng ra nhận và đã đưa lại cho NLQ1, bà nói lại sự việc bà T đưa lại tiền hụi và không cho NLQ1 chơi và NLQ1 cũng đồng ý không tham gia hụi của bà T và nhận lại số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với phần hụi của bà trực tiếp tham gia chơi với bà T, bà T có hẹn đến tuần thứ 09 cho bà hốt hụi, bà bỏ hụi 600.000 đồng và được hốt hụi nhưng bà T không cho hốt mà hẹn qua tuần thứ 10 bà cũng đồng ý. Đến tuần thứ 10, vào lúc 09 giờ sáng bà T có đem 01 phiếu giao hụi đưa cho bà ký, bà T nói là về tính toán tiền hụi lại và đến chiều sẽ giao tiền hụi cho bà nên bà mới đồng ý ký và bà T giữ phiếu hụi này. Nhưng đến chiều bà T đến nhà bà không giao tiền hụi như đã hứa mà bà T nói là đưa tiền hụi lại cho bà 18.000.000 đồng và không có cho bà chơi hụi nữa, giữa hai bên có xảy ra cự cãi. Vì vậy, bà T chỉ đưa lại tiền hụi cho bà 18.000.000 đồng chứ không có nhận số tiền hụi như bà T trình bày.

Đối với phiếu giao hụi thứ nhất ghi “HỤI (2.000.000đ) 10 NGÀY, KHUI NGÀY: 18/02/2018 AL” là tờ giấy đánh máy sẵn còn phần chỗ dấu chấm thì bà Nguyễn Thị T để trống, kêu bà ký vào phần người nhận hụi. Tuy nhiên, do tin tưởng bà T sau khi ký thì bà T sẽ giao tiền hụi cho bà nên bà mới đồng ý ký. Sau đó bà T không giao tiền hụi mà còn viết thêm vào các phần dấu chấm cho rằng bà có nhận tiền hụi của bà T là 47.600.000 đồng là không đúng.

Đối với phiếu giao hội thứ hai ghi là “Phiếu giao hội 10 ngày 1.000.000đ. Mỡ ngày 18/02/2018 âm lịch, tổng số 66 phần khai ngày 28/02”. Thì cũng giống như biên nhận lần đầu, bà T kêu bà ký vào phần người nhận hội và hứa sẽ giao tiền hội cho bà nên tin tưởng bà T nên bà mới đồng ý ký vào biên nhận này. Nhưng sau đó bà T lật lọng không giao tiền hội cho bà, khi về bà T còn đánh sai tên của bà dưới chữ ký của bà là Nguyễn Thị P.

Về 02 tờ giấy ghi số tiền nợ hội và tiền nợ vay do bà T cung cấp cho Tòa án bà cho rằng đây là 02 tờ giấy do bà T tự ghi, bà hoàn toàn không biết vì bà không có nợ tiền hội và tiền vay của bà T. Bà hoàn toàn không có mượn bà T số tiền 40.000.000 đồng như bà T trình bày. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu bà phải trả tiền hội và tiền vay là 61.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:** Bà P nói là có vô giùm bà 01 chân hội của bà T làm chủ hội, loại hội tuần 10 ngày xô 01 lần, mỗi lần đóng 2.000.000 đồng. Bà đồng ý và có đóng được một lần với số tiền 2.000.000 đồng đến lần thứ hai thì được bà P thông báo lại là bà T không cho bà chơi mà đưa lại tiền hội cho bà là 2.000.000 đồng, bà đồng ý nhận và không tham gia nữa. Thật ra khi tham gia hội thì bà chỉ thông qua bà P chứ bà không trực tiếp gặp bà T và không có đóng tiền hội cho bà T mà đưa tiền cho bà P đóng hội giùm. Bà cũng không biết bà T có biết bà tham gia hội bà T hay không mà tất cả những lần tham gia hội, đóng tiền hội và nhận tiền hội lại thì chỉ thông qua bà P. Chỉ nghe bà P nói lại chứ bà chưa gặp bà T. Việc tham gia hội này bà chỉ nghe bà P thông báo lại là bà T đồng ý cho bà tham gia 01 chân hội và bà P sẽ chịu trách nhiệm tham gia giùm cho bà, còn bà chỉ có trách nhiệm đóng hội cho bà P và bà P sẽ đóng lại cho bà T. Việc tham gia hội giữa bà P với bà T thế nào bà không biết. Nay bà đã nhận lại tiền và không tham gia chơi hội nữa nên bà nhận thấy không có liên quan đến việc tranh chấp tiền hội giữa bà P với bà T. Vì vậy bà cũng không có yêu cầu hay tranh chấp gì với bà P và bà T.

**Tại bản án sơ thẩm số 113/2020/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:**

Buộc bị đơn bà Danh Thị Kim P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hội là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Danh Thị Kim P phải trả số tiền nợ hội 3.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 28.000.000 đồng. Tổng số tiền không được chấp nhận là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 bị đơn bà Danh Thị Kim P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại 02 tờ biên nhận, đối với 02 tờ biên nhận bà có ký tên nhưng chủ hội không có giao tiền hội cho bà, mà chủ hội cũng không có ký vào biên nhận có giao dịch thì giấy hội trên không có hiệu lực. Do đó, không đồng ý trả số tiền nợ hội 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà P giữ nguyên đơn kháng cáo, không đồng ý trả tiền nợ hội 30.000.000 đồng cho bà T. Bởi vì, 02 tờ biên nhận ghi là bà có tham gia chân hội ngày 18/02/2018, mỗi chân hội 1.000.000 đồng, 10 ngày khai một lần, chân hội này bà không có tham gia, do bà T ghi không. Đối với biên nhận số 02 ghi cho bà hót hội  $\frac{1}{2}$  chân là không đúng, bà tham gia hội 01 phần là 2.000.000 đồng, có hót thì hót đủ 01 phần là 2.000.000 đồng, 10 ngày (chứ không ai hót hội  $\frac{1}{2}$  như bà T trình bày và có thể hiện số tiền trong biên nhận, thực tế bà T chỉ đưa lại cho bà là 9 phần với số tiền là 18.000.000 đồng. Đối với nguyên đơn bà T không đồng ý đơn kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Danh Thị Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà NLQ1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bị đơn bà P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại 02 tờ biên nhận, đối với 02 tờ biên nhận bà có ký tên nhưng bà T không có giao tiền hội cho bà, mà bà T cũng không có ký vào biên nhận có giao dịch thì giấy hội trên không có hiệu lực. Do đó, không đồng ý trả số tiền nợ hội 30.000.000 đồng. Bởi vì, 02 tờ biên nhận ghi là bà có tham gia chân hội ngày 18/02/2018, mỗi chân hội 1.000.000 đồng, 10 ngày khai một lần, chân hội này bà không có tham gia, do bà T ghi không. Đối với biên nhận số 02 ghi cho bà hót hội  $\frac{1}{2}$  chân là không đúng, bà tham gia hội 01 phần là 2.000.000 đồng, có hót thì hót đủ 01 phần là 2.000.000 đồng, 10 ngày (chứ không ai hót hội  $\frac{1}{2}$  như bà T trình bày và có thể hiện số tiền trong biên nhận, thực tế bà T chỉ đưa lại cho bà là 9 phần với số tiền là 18.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, đối với phiếu giao hội 10 ngày 1.000.000 đồng mở ngày 18/02/2018 âm lịch (bút lục số 10) đã thể hiện rất rõ nội dung về giá hót hội, tổng số phần hội, số phần hội đã hót, tổng số tiền được hót là 45.800.000 đồng và trừ tiền hoa hồng là 600.000 đồng; tổng tiền thực nhận là 45.200.000 đồng và bà P cũng thừa nhận bà có ký vào biên nhận này. Đối với tờ giấy hội ngày 18/5 (bút lục số 09) với nội dung chị P hót  $\frac{1}{2}$  phần hội và từ tiền hoa hồng thì tiền thực nhận của bà P là 47.600.000 đồng, biên nhận này bà P thừa nhận có ký vào biên nhận nhưng bà T không có đưa tiền hội cho bà thực chất bà T chỉ đưa cho bà 9 lần hội mà bà đã đóng là 18.000.000 đồng, phần trông

không ghi nội dung gì bà T về tự ghi nội dung vào. Nhưng bà P lại khai nại là bà có ký vào hai giấy hối trên nhưng thực chất bà không có nhận số tiền như trong giấy hối của bà T, xét lời khai nại của bà không có chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Bởi vì, bà P đã thừa nhận có ký vào hai tờ giấy hối (bút lục số 09 và số 10), đồng thời bà T cho do không tin tưởng bà P nên chỉ cho bà P mỗi lần là  $\frac{1}{2}$  phần hối và mỗi lần bà T giao tiền hối cho bà P đều được bà P ký vào khi nhận tiền hối là hai tờ giấy hối mà bà P đã ký vào. Do đó, Hội đồng không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bà P.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bị đơn bà Danh Thị Kim P trả 30.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Danh Thị Kim P; chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Danh Thị Kim P không phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Danh Thị Kim P Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/200/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Danh Thị Kim P về tranh chấp nợ hối.

**2.** Buộc bị đơn bà Danh Thị Kim P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hối là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Danh Thị Kim P phải trả số tiền nợ hối 3.000.000 đồng và số tiền nợ vay là 28.000.000 đồng. Tổng số tiền không được chấp nhận là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

#### **4. Về án phí:**

##### **Án phí sơ thẩm:**

Buộc bị đơn bà Danh Thị Kim P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 1.525.000 đồng theo biên lai thu số 0000141 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nên bà Nguyễn Thị T phải nộp thêm số tiền 25.000 đồng (hai mươi lăm nghìn đồng).

##### **Án phí phúc thẩm:**

Bị đơn bà Danh Thị Kim P phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009062 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

##### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhiên**